

Bản án số: 1234/2025/DS-ST
Ngày 26-9-2025
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản và
thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lệ

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1884/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2746/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1985; Thường trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ liên lạc: Số C Tổ D, X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là xã X, Thành phố Hồ Chí Minh); (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Ngọc S, sinh năm 1985; địa chỉ liên hệ: Số C đường số D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1992; Đăng ký thường trú tại: Khu phố D, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (hiện nay là phường L, tỉnh Lâm Đồng); Địa chỉ nơi làm việc: Số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở hiện tại: Số E đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH V; Địa chỉ trụ sở chính: Số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn B, sinh năm 1992; Đăng ký thường trú tại: Khu phố D, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Địa chỉ nơi làm việc: Số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện tại: Số E đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2023 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02 tháng 8/2022, bà Phạm Thị L và Công ty TNHH V (địa chỉ trụ sở chính: Số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lê Văn B làm giám đốc) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-2023/VCM với nội dung: Công ty TNHH V nhập khẩu vỏ lon gas mini rỗng đã đóng van và nắp được đóng trong cartoon cho bà Phạm Thị L và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa – Thực hiện theo nội dung của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-2023/VCM, bà Phạm Thị L đã giao cho Công ty TNHH V do ông Lê Văn B làm đại diện số tiền cọc của hợp đồng là 780.000.000 đồng (theo Điều 12 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-2023/VCM giữa bà Phạm Thị L và Công ty TNHH V. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của bà Phạm Thị L, Công ty TNHH V và cá nhân ông Lê Văn B không có động thái giao hàng. Bản thân ông Lê Văn B còn lấy nhiều lý do như gọi điện cho bà Liên thông B1 là lô hàng Ga mini của bà L bị hải quan tạm giữ tại Cảng C - Thành phố Hồ Chí Minh nên cần số tiền 560.000.000 đồng, bà L đã chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản của ông Lê Văn B, ông B có xác nhận cam kết bằng hợp đồng thỏa thuận mua bán ngày 24/4/2023, ông B cam kết đến tháng 5/2023 sẽ thanh toán cho bà L toàn bộ số tiền gốc và chịu lãi suất nhưng đến nay ông B không thanh toán cho bà L. Bà L đến địa chỉ số 70 đường A khu dân cư C, đường số A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì được biết ông Lê Văn B đã dời Công ty đi đâu không rõ, bà L điện thoại nhưng ông B không nghe máy.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn B hoàn trả lại cho bà L số tiền 1.340.000.000 đồng, bà L không yêu cầu ông B phải trả lãi suất. Ông Văn Ngọc S còn trình bày thêm: Tòa án đã mời rất nhiều lần để tiền hành hòa giải nhưng ông Lê Văn B vẫn không có mặt; hoàn cảnh của nguyên đơn bà Phạm Thị L bây giờ vô cùng khó khăn, con bị bệnh ung thư, không có tiền để chữa bệnh, nên ông S đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và đưa vụ án ra xét xử.

Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến làm việc tại Toà án nhân dân quận Gò Vấp và hiện nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn ông Văn Ngọc S yêu cầu ông Lê Văn B phải thực hiện theo cam kết trả nợ thay cho Công ty TNHH V theo văn bản ông B đã ký xác nhận ngày 24/4/2023, trả cho bà Phạm Thị L số tiền 1.340.000.000 đồng (bao gồm 780.000.000 đồng tiền cọc và

560.000.000 đồng tiền ông B trực tiếp mượn) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị L không yêu cầu ông B phải trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 02/8/2022, bà Phạm Thị L và Công ty TNHH V1 do ông Lê Văn B làm đại diện ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-2023/VCM với nội dung Bên A nhập khẩu và cung cấp cho bên B mặt hàng là vỏ lon gas mini rỗng; Điều 12 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-2023/VCM ngày 02/8/2023 thể hiện nội dung “Bên A đã nhận cọc Bên B, số tiền là 780.000.000 – (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi triệu đồng chẵn); Đồng thời bà Phạm Thị L còn chuyển vào tài khoản cá nhân của ông B tại Ngân hàng S1; số tài khoản 06008086173 số tiền 560.000.000 (năm trăm sáu mươi triệu) đồng. Nguyên đơn bà Phạm Thị L không khởi kiện Công ty TNHH V1 mà căn cứ vào “Hợp đồng thỏa thuận mua bán” ngày 24/4/2023 với nội dung xác nhận của ông Lê Văn B để khởi kiện đòi ông Lê Văn B phải trả số tiền tổng cộng là 780.000.000 đồng + 560.000.000 đồng = 1.340.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn là “Tranh chấp kiện đòi tài sản và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh” theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án “Kiện đòi tài sản” được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý theo Thông báo thụ lý số 787/TB-TLVA ngày 07/12/2023. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành:

- Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 1655/2023/QĐ-CCTLCC ngày 18/12/2023 yêu cầu Công an phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận xác minh tình trạng cư trú của bị đơn ông Lê Văn B; Kết quả xác minh của Công an phường T, thị xã L thể hiện nội dung: “Ông Lê Văn B, sinh năm 1992; ĐKTT: Khu phố D, phường T, thị xã L hiện nay không còn cư trú tại địa bàn Khu phố D, T - L, Bình Thuận; Thời điểm ông B rời khỏi địa phương vào khoảng cuối năm 2022. Hiện nay không rõ ông B đang sinh sống ở đâu, làm gì”. Đồng thời, Công

an phường T, thị xã L đính kèm Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 22/12/2023 thể hiện ông Lê Văn B có nơi ở hiện tại: C, Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 38/2024/QĐ-CCTLCC ngày 03/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp gửi Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và được Công an phường T trả lời với nội dung:

“- Địa chỉ C đường Q, tổ A, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ Chung cư H.

- Qua rà soát, hiện nay ghi nhận Công dân Lê Văn B, sinh năm 1992, số ĐDCN 060092003810 không còn thực tế cư trú tại địa chỉ số C, Quốc lộ A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Công dân Lê Văn B, sinh năm 1992, số ĐDCN 060092003810 hiện cư trú ở đâu thì Công an phường T không nắm rõ, do không đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T./.”

Căn cứ vào xác minh của Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 25/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 và chuyển hồ sơ vụ án thụ lý số 787/2023/TLST-DS ngày 07/12/2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị L và bị đơn Ông Lê Văn B đến Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thụ lý vụ án đã ban hành Công văn số 996/TAQ12 ngày 25/4/2025 để xác minh tình trạng cư trú của bị đơn ông Lê Văn B và được Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời với nội dung *“Từ trước đến nay ông Lê Văn B, sinh ngày 01/5/1992, số ĐDCN 060092003810 không có thông tin đăng ký hộ khẩu thường trú, không có thông tin đăng ký tạm trú, không có thông tin đăng ký khai báo thông tin về nơi ở hiện tại và thực tế không cư trú, sinh sống thường xuyên, liên tục tại địa chỉ C đường Q, Khu phố A (nay là Khu phố B), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”*. Và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Mã số doanh nghiệp 0315336356 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư Thành phố H cấp cho Công ty TNHH V do ông Lê Văn B làm đại diện theo pháp luật thể hiện Công ty TNHH V có trụ sở chính tại địa chỉ số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Lê Văn B có “Chỗ ở hiện tại” là số 50A đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xác định địa chỉ số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi làm việc của ông Lê Văn B và địa chỉ số E đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của ông Lê Văn B. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do xác nhận không thống nhất của Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và sau này là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, dẫn đến việc chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ thời điểm thụ lý, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập nhiều lần bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận thực hiện tổng đạt cho bị đơn ông Lê Văn B tại địa chỉ Khu phố D, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Tại địa chỉ nơi ông Lê Văn B làm việc: Số G đường số A, Khu dân cư C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở hiện tại của ông Lê Văn B: Số E đường số B, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng bị đơn ông Lê Văn B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên toà theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự: *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 1.340.000.000 (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu) đồng, phát sinh từ “hợp đồng thỏa thuận mua bán” có nội dung xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 24/4/2023, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Bà Phạm Thị L cung cấp chứng cứ là Bản sao Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01-2023/VCM ngày 02/8/2022 giữa bà Phạm Thị L và Công ty TNHH V1 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản photo 27 Ủy nhiệm chi thể hiện nội dung bà Phạm Thị L, số tài khoản 060095197321 đến tài khoản của ông Lê Văn B, số tài khoản 060080868173 lập tại Ngân hàng TMCP S2; 01 ủy nhiệm chi vào số tài khoản 214245479 của ông Lê Văn B lập tại Ngân hàng TMCP Á và 02 giấy báo nợ với tổng số tiền chuyển khoản là 560.000.000 đồng; Bản sao Hợp đồng thỏa thuận mua bán ngày 24/4/2023 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung “*Tôi đứng tên Lê Văn B (Bên A) xác nhận đã nhận của bên B số tiền cọc là 780.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tám chục triệu đồng chẵn) và số tiền chuyển khoản của bên B là 560.000.000 đồng – (Bằng chữ: năm trăm sáu chục triệu đồng chẵn).*

Tới ngày 18 tháng 4 năm 2023 tới nay đã quá hạn giao trả hàng. Vì vậy, tôi cam kết trong tháng 05/2023 mà tôi không trả hàng cho Bên B được thì tôi có trách nhiệm nhận trả tiền thay cho Bên B (cả gốc và lãi) mà Bên B đã vay của ngân hàng (trong đó tiền gốc là 780.000.000 đồng) kể từ ngày 02/8/2022.

Nếu trong tháng 05/2023 mà tôi không thể trả được số tiền trên (cả gốc + lãi) cho Ngân hàng thì Bên B (Bà Phạm Thị L) có toàn quyền thực hiện tịch thu tài sản của tôi để trừ nợ”.

Như vậy, ông Lê Văn B đã xác nhận nội dung đã nhận số tiền cọc 780.000.000 đồng và nhận chuyển khoản từ bà Phạm Thị L số tiền 560.000.000 đồng và cam kết trả nợ thay trong trường hợp nếu đến tháng 5/2023 mà ông B không trả hàng cho bên B (bà Phạm Thị L). Vì vậy, yêu cầu của bà Phạm Thị L buộc ông Lê Văn B phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền 1.340.000.000 đồng bao gồm số tiền 780.000.000 đồng theo cam kết trả nợ thay cho Công ty TNHH V1

và 560.000.000 đồng là tiền mượn cá nhân của ông Lê Văn B là có cơ sở để chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời hạn thanh toán: Hội đồng xét xử nhận thấy đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận thanh toán của các bên nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 466 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn Lê Văn B phải trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị L số tiền 1.340.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị L được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.200.000 (năm mươi hai triệu hai trăm ngàn) đồng. Hoàn tiền tạm nộp án phí là 26.100.000 (hai mươi sáu triệu một trăm ngàn) đồng cho nguyên đơn bà Phạm Thị L theo biên lai thu số 0013068 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (hiện nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 26, Điều 36, Điều a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các 335, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị L: Buộc ông Lê Văn B phải trả cho bà Phạm Thị L số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu) đồng, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vì yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị L được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.200.000 (năm mươi hai triệu hai trăm ngàn) đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí là 26.100.000 (hai mươi sáu triệu một trăm ngàn) đồng cho nguyên đơn bà Phạm Thị L theo biên lai thu số 0013068 ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (hiện nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử, bị đơn ông Lê Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS KV7-TP . HCM;
- Đương sự;
- Phòng THA DS KV7-TP . HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng